

Số: 5948/QĐ-UBND

TP. Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển tại kỳ thi tuyển giáo viên
làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập
thuộc UBND thành phố Quảng Ngãi năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Quảng Ngãi năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 5943/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi về việc công nhận kết quả điểm thi chính thức, kỳ thi tuyển giáo viên làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Quảng Ngãi năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố tại Tờ trình số 494-TTr/TC-NV ngày 16/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 56 thí sinh trúng tuyển tại kỳ thi tuyển giáo viên cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc UBND thành phố Quảng Ngãi năm 2019 (cụ thể có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng thành phố; Trưởng Cơ quan Tổ chức – Nội vụ thành phố; Trưởng các Phòng: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính - Kế hoạch thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *He*

- Như Điều 3;
- Các Sở: Nội vụ, GD&ĐT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- C, PVP, CV (NC, VX);
- Lưu VT, TC-NV (02 bản)_{ntht}.



CHỦ TỊCH

Phạm Tấn Hoàng
Phạm Tấn Hoàng



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TẠI KỲ THI TUYỂN GIÁO VIÊN LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP THUỘC UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số: 5948 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019 của UBND thành phố)

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh (text)	Thường trú	chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Kết quả thi môn điều kiện (vòng 1)			Điểm môn NVCN (vòng 2)	Cộng điểm ưu tiên	Điểm chính thức	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên			Trình độ	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại TN					Tin học (số câu đúng/30)	Tiếng Anh (số câu đúng/30)	KTC (số câu đúng/60)				
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(16)+(17)	(19)
*	TOÁN HỌC (05 chỉ tiêu)																		
1	Võ Thị Ý	Ngọc	18/12/1993	TT Di Lăng, Sơn Hà, QN	Đại học	Sư phạm Toán học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên môn Toán	28	30	55	84		84	
2	Bùi Thị	Như	25/3/1996	Tịnh Bình, Sơn Tịnh, QN	Đại học	Sư phạm Toán học	CQ	Giỏi	Anh B2	Tin B	Con TB	Giáo viên môn Toán	28	30	59	71.5	5	76.5	
3	Nguyễn Thị Cẩm	Hạnh	01/11/1996	Hành Tín Đông, Nghĩa Hành, QN	Đại học	Sư phạm Toán học	CQ	Giỏi	Anh B1	CNTT cơ bản		Giáo viên môn Toán	25	26	56	76		76	
4	Lương Thị Hoa	Nữ	08/11/1994	Phường Trương Quang Trọng, TPQN	Thạc sĩ	Toán học			Anh bậc 3	Tin B		Giáo viên môn Toán	24	28	52	73.5		73.5	
5	Nguyễn Thị Mai	Phương	16/6/1992	Xã Nghĩa An, TPQN	Thạc sĩ	Toán học			Anh bậc 3	Tin B		Giáo viên môn Toán	25	24	53	72.5		72.5	
*	LỊCH SỬ (02 chỉ tiêu)																		
1	Phùng Thị Mỹ	Dung	03/4/1984	Xã Tịnh Thiện, TPQN	Đại học	Sư phạm Lịch sử	VLVH	Khá	Anh B	Tin A	Con TB	Giáo viên Lịch sử	24	19	48	51	5	56	
2	Bạch Thị	Hiếu	01/9/1996	TT Trà Xuân, Trà Bồng, QN	Cao đẳng	Sư phạm Lịch sử	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Lịch sử	27	20	58	50.5		50.5	
*	NGŨ VĂN (08 chỉ tiêu)																		
1	Nguyễn Thị Bích	Phượng	12/06/1996	Trà Xuân, Trà Bồng, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	Xuất sắc	Anh C	Tin B		Giáo viên Ngữ văn	29	30	59	91.5		91.5	



TT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh (text)	Thường trú	chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Điểm tương đương	Vị trí đăng ký dự tuyển	Kết quả thi môn điều kiện (vòng 1)			Điểm môn NVCN (vòng 2)	Tổng điểm ưu tiên	Điểm chính thức	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên			Trình độ	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại TN					Tin học (số câu đúng/30)	Tiếng Anh (số câu đúng/30)	KTC (số câu đúng/60)				
2	Giáp Anh	Quốc	14/05/1988	Quy Hậu, Hòa Trị, Phú Hòa, Phú yên	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	TB Khá	Anh B	Tin A		Giáo viên Ngữ văn	25	25	55	85		85	
3	Cao Thị Thanh	Nga	13/10/1996	Phổ Hòa, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	Giỏi	Anh B1	UDCNT TCB		Giáo viên Ngữ văn	27	30	51	80		80	
4	Trần Thị	Huệ	02/02/1993	Phổ Ninh, Đức Phổ, Quảng Ngãi	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Ngữ văn	26	28	53	76		76	
5	Bùi Thị Kim	Liên	26/03/1989	Trà Bình, Trà Bồng, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	TB Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Ngữ văn	19	22	42	73.5		73.5	
6	Nguyễn Thị Ánh	Lệ	20/10/1983	Tịnh Đông, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	VLVH	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Ngữ văn	25	28	49	72.5		72.5	
7	Trần Trung	Nhi	27/02/1994	An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi	Cao đẳng	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	Trung bình	Anh B	Tin B		Giáo viên Ngữ văn	22	20	37	72.5		72.5	
8	Lưu Thị Kim	Phát	14/09/1987	Nghĩa An, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ Văn	Chính quy	Khá	Anh B	Tin A		Giáo viên Ngữ văn	20	28	50	72		72	
* CÔNG NGHỆ (03 chỉ tiêu)																			
1	Lê Thị Thùy	Trang	01/7/1987	TT La Hà, Tư Nghĩa, QN	Cao đẳng	Sư phạm Công nghệ	CQ	Khá	Anh A	Tin B		Giáo viên Công nghệ	28	28	55	64		64	
2	Phạm Quốc	Đạt	14/12/1990	Bình Mỹ, Bình Sơn, QN	Cao đẳng	Sư phạm Công nghệ (KTCN-	CQ	TB Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Công nghệ	27	21	54	53		53	
3	Đoàn Thị Ngọc	Tuệ	27/6/1995	Phường Quảng Phú, TPQN	Cao đẳng	Sư phạm Kinh tế gia đình	CQ	Trung bình	Anh B	Tin B		Giáo viên Công nghệ	24	20	45	51.5		51.5	
* ĐỊA LÝ (02 chỉ tiêu)																			
1	Nguyễn Trần	Diệu	21/11/1986	Phường Nghĩa Lộ, TPQN	Đại học	Sư phạm Địa lý	VLVH	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Địa lý	28	25	52	78.5		78.5	
2	Phạm Thị Như	Quỳnh	11/6/1993	Tịnh Minh, Sơn Tịnh, QN	Đại học	Sư phạm Địa lý	CQ	Khá	Anh B	Tin B	Con TB	Giáo viên Địa lý	25	25	55	72.5	5	77.5	
SINH HỌC (04 chỉ tiêu)																			
1	Hồ Thái Ái	Hiền	16/03/1993	Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Sinh học	Chính quy	Khá	B Tiếng Anh	UDCNT TCB		Giáo viên Sinh học	30	19	56	72.25		72.25	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh (text)	Thường trú	chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Kết quả thi môn điều kiện (vòng 1)			Điểm môn NVCN (vòng 2)	Cộng điểm ưu tiên	Điểm chính thức	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên			Trình độ	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại TN					Tin học (số câu đúng/30)	Tiếng Anh (số câu đúng/30)	KTC (số câu đúng/60)				
2	Nguyễn Thị	Phương	13/08/1984	P. Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Sinh-KTNN	Chính quy	Khá	B Tiếng Anh	B Tin		Giáo viên Sinh học	26	26	48	65		65	
3	Trần Thị	Hồng	05/09/1994	Quỳnh Hồng, Quỳnh Phụ, Thái Bình	Cao đẳng	Sư phạm Sinh	Chính quy	Khá	B Tiếng Anh	B Tin		Giáo viên Sinh học	27	21	53	61		61	
4	Lê Thị Mỹ	Thanh	12/07/1997	Bình Thuận, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Sinh học	Chính quy	Xuất sắc	B1 Tiếng Anh	ƯDCNT T CB		Giáo viên Sinh học	25	25	55	60.5		60.5	
*	THỂ DỤC THCS (02 chỉ tiêu)																		
1	Bùi Cát	Tường	04/7/1993	Phường Nguyễn Nghiêm, TPQN	Đại học	Giáo dục thể chất	CQ	TB Khá	Anh A	Tin B		Giáo viên Thể dục THCS	23	20	36	69.5		69.5	
2	Đào Minh	Hiếu	08/10/1997	Phường Chánh Lộ, TPQN	Đại học	Giáo dục thể chất	CQ	Trung bình	Anh A2	ƯDCNT T CB	Con TB	Giáo viên Thể dục THCS	21	30	50	51	5	56	
TIN HỌC THCS (04 chỉ tiêu)																			
1	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	16/03/1991	Tịnh Đông, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	Đại học	Công nghệ thông tin	Chính quy	TB Khá	Anh B	ĐH		Giáo viên Tin học THCS	MT	24	60	62		62	
2	Võ Thị	Kiều	28/02/1993	Nghĩa Điền, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Tin học	Chính quy	Khá	Anh B	ĐH		TIN297	MT	24	54	56		56	
3	Võ Thị Thúy	Hằng	01/08/1998	Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi	Đại học	Khoa học máy tính (CNTT)	Chính quy	Trung bình	Anh C	ĐH		TIN292	MT	28	55	53		53	
4	Trần	Vỹ	27/09/1993	Bình Phước, Bình Sơn, Quảng Ngãi	Cao đẳng	Sư phạm Vật lý-Tin học	Chính quy	Khá	Anh B	CĐ		TIN316	MT	19	50	52.5		52.5	
TIN HỌC TIỂU HỌC (01 chỉ tiêu)																			
1	Phạm Thị Bích	Trà	27/12/1997	Nghĩa Thương, Tư Nghĩa, QN	Cao đẳng	Sư phạm Tin học	CQ	Khá	Anh B	CĐ		Giáo viên Tin học tiểu học	MT	21	48	76.5		76.5	
ÂM NHẠC TIỂU HỌC (01 chỉ tiêu)																		0	
1	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	22/8/1994	TT Trà Xuân, Trà Bồng, QN	Cao đẳng	Sư phạm Âm nhạc	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên Âm nhạc Tiểu học	19	17	49	72		72	
*	GIÁO VIÊN TIỂU HỌC CƠ BẢN (20 chỉ tiêu)																	0	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh (text)	Thường trú	chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Kết quả thi môn điều kiện (vòng 1)			Điểm môn NVCN (vòng 2)	Cộng điểm ưu tiên	Điểm chính thức	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên			Trình độ	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại TN					Tin học (số câu đúng/30)	Tiếng Anh (số câu đúng/30)	KTC (số câu đúng/60)				
1	Đỗ Thị Hương	Vang	02/12/1996	Xã Tịnh Khê, TPQN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Giỏi	Anh B	ƯDCNT TCB		Giáo viên THCB	29	26	57	89		89	
2	Lưu Thị Bé	Em	30/01/1997	Xã Nghĩa Dũng, TPQN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Giỏi	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	28	26	57	84		84	
3	Trác Na	Na	15/02/1997	TT Trà Xuân, Trà Bồng, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	26	21	49	79		79	
4	Trần Thị	Yến	30/8/1996	Nghĩa Điền, Tư Nghĩa, QN	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin A		Giáo viên THCB	21	23	42	77.5		77.5	
5	Phạm Thùy	Linh	04/4/1994	Tịnh Phong, Sơn Tịnh, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Trung bình	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	20	27	46	77		77	
6	Nguyễn Thị	Trang	01/10/1991	Xã Tịnh Châu, TPQN	Đại học	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	25	23	57	76		76	
7	Phan Thị Minh	Văn	09/9/1993	Xã Nghĩa Phú, TPQN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	25	24	59	76		76	
8	Trần Thị Hồng	Chu	20/11/1992	Tịnh Sơn, Sơn Tịnh, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Trung bình	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	25	18	50	72.5		72.5	
9	Phạm Thị Thúy	Linh	20/3/1997	Bình Thanh Tây, Bình Sơn, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	ƯDCNT TCB		Giáo viên THCB	23	23	47	72		72	
10	Trương Đình	Mau	24/8/1996	Xã Nghĩa An, TPQN	Đại học	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	ƯDCNT TCB		Giáo viên THCB	25	24	53	71.5		71.5	
11	Võ Thị	Thảo	06/01/1998	An Hải, Lý Sơn, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	ƯDCNT TCB		Giáo viên THCB	25	23	48	71.5		71.5	
12	Võ Thị	Vũ	10/5/1994	Tịnh Sơn, Sơn Tịnh, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	19	20	38	70		70	
13	Nguyễn Thị Kim	Huyền	01/6/1991	Quê Châu, Quê Sơn, Quảng Nam	Đại học	Giáo dục tiểu học	VLVH	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	24	27	54	69.25		69.25	
14	Nguyễn Thị Tố	Duyên	29/9/1996	Tịnh Hiệp, Sơn Tịnh, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Giỏi	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	25	19	50	69		69	
15	Đỗ Thị Mai	Phương	01/10/1998	Trà Phú, Trà Bồng, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	ƯDCNT TCB		Giáo viên THCB	26	21	48	68		68	

TT	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh (text)	Thường trú	chuyên môn				Ngoại ngữ	Tin học	Đội tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Kết quả thi môn điều kiện (vòng 1)			Điểm môn NVCN (vòng 2)	Cộng điểm ưu tiên	Điểm chính thức	Ghi chú
	Họ và tên lót	Tên			Trình độ	Chuyên ngành	Hệ đào tạo	Xếp loại TN					Tin học (số câu đúng/30)	Tiếng Anh (số câu đúng/30)	KTC (số câu đúng/60)				
16	Nguyễn Phạm Thúy	Loan	21/9/1998	Phường Trần Phú, TPQN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	UĐCNT TCB		Giáo viên THCB	24	22	53	66.5		66.5	
17	Nguyễn Thị	Lời	20/9/1996	An Hải, Lý Sơn, QN	Đại học	Giáo dục tiểu học	CQ	Giỏi	Anh B1	Tin B		Giáo viên THCB	27	20	54	66.25		66.25	
18	Trần Thị Bích	Ngân	01/01/1988	Tịnh Phong, Sơn Tịnh, QN	Trung cấp	Sư phạm tiểu học	CQ	Xuất sắc	Anh B	KTV		Giáo viên THCB	25	28	40	66		66	
19	Huỳnh Thị	Sương	06/3/1996	Ân Phong, Hoài Ân, Bình Định	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	23	21	55	66		66	
20	Phạm Thị Thanh	Hòa	06/7/1996	Trà Thọ, Tây Trà, QN	Cao đẳng	Giáo dục tiểu học	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên THCB	24	22	54	65.5		65.5	
*	TIẾNG ANH TIỂU HỌC (03 chỉ tiêu)																		
1	Nguyễn Thị	Hiếu	01/01/1995	Tịnh Minh, Sơn Tịnh, QN	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	Khá	Pháp B	Tin B	Con TB	Giáo viên Tiếng Anh tiểu học	26	MT	52	68	5	73	
2	Phan Thị Cẩm	Tiên	04/5/1996	Bình Phú, Bình Sơn, QN	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	Khá	Pháp B	Tin B		Giáo viên Tiếng Anh tiểu học	25	MT	46	71		71	
3	Lê Thị Trà	Giang	12/8/1995	Sơn Hạ, Sơn Hà, QN	Cao đẳng	Sư phạm Tiếng Anh	CQ	Khá	Pháp B	Tin B		Giáo viên Tiếng Anh tiểu học	26	MT	56	69		69	
*	MẦM NON (01 chỉ tiêu)																		
1	Trần Thị Phương	Thảo	05/01/1995	Phường Nghĩa Chánh, TPQN	Cao đẳng	Giáo dục mầm non	CQ	Khá	Anh B	Tin B		Giáo viên mầm non	17	19	52	69.75		69.75	

Tổng cộng: 56 thí sinh

